

Số: 159/2021/QĐST-HNGĐ

ĐD, ngày 22 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Hùng L, sinh năm: 1958; địa chỉ: thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm: 1959; địa chỉ: thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Tiến S, sinh năm: 1980; địa chỉ: thôn QT, xã QL, huyện ĐD.

- Ông Đoàn Ngọc H, sinh năm: 1967 và bà Thái Thị H, sinh năm: 1969; Địa chỉ: 204 đường 413 thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

- Vợ chồng ông Nguyễn Hùng H, sinh năm: 1968 và bà Trần Thị N, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 18 thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

- Anh Nguyễn Tiên T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: quán Com TT, đường ĐH 43, thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1996; địa chỉ: Phòng L13 – 92/16/3 NTN, Tổ 40, Khu phố 5, Phường BTT, thành phố TĐ, Tp. HCM.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Phòng L13 – 92/16/3 NTN, Tổ 40, Khu phố 5, Phường BTT, thành phố TĐ, Tp. HCM.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị Thanh T: bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1959; địa chỉ: thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ – là người đại diện theo uỷ quyền.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 210, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 219 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày

12 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Hùng L và bà Nguyễn Thị Đ.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 quyển số 01 ngày 10/12/1979 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện ĐD, tỉnh LĐ chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Nguyễn Hùng L và bà Nguyễn Thị Đ thống nhất xác nhận có 04 con chung là Nguyễn Tiến S, sinh năm: 1980, Nguyễn Tiên T, sinh năm: 1985, Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1988, Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1996. Hiện cả 04 con chung đã thành niên, không ai bị mắc bệnh gì cần phải nuôi dưỡng nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Hùng L và bà Nguyễn Thị Đ thống nhất xác nhận có các tài sản chung là: Thửa đất số 56, 57 tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 100, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ; Thửa đất số 334, 335 Tờ bản đồ số 313B tọa lạc tại thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

Ông bà thống nhất dùng kết quả đo đạc theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất tranh chấp lập ngày 02/11/2021 và sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 14/8/2020 do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai và kết quả định giá tài sản theo biên bản định giá tài sản ngày 23/11/2020 làm căn cứ giải quyết tranh chấp.

Đối với thửa đất 100, Tờ bản đồ số 04, diện tích 488m² tọa lạc tại thôn QT, xã QL, huyện ĐD, tỉnh LĐ ông L và bà Đ thống nhất tự thỏa thuận giải quyết nên không đề cập đến.

Đối với các tài sản còn lại, ông Nguyễn Hùng L, bà Nguyễn Thị Đ thống nhất chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Hùng L có toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 2.434m² gồm: một phần thửa 56 diện tích 1.360m², thửa 57 diện tích 391m², một phần thửa 410 diện tích 29m², một phần thửa 69 diện tích 73m², một phần thửa 31 diện tích 580m² (thuộc tờ bản đồ số 02 xã QL) trong đó thửa 56 có 400m² đất ở tại thôn QT, xã QL, huyện ĐD theo sơ đồ đo đạc

hiện trạng thửa đất tranh chấp của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai ngày 02/11/2021 (bản sao sơ đồ kèm theo là một phần không thể tách rời của quyết định này). Ông Nguyễn Hùng L có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận QSD đất được chia theo quy định của pháp luật.

Giao cho bà Nguyễn Thị Đ có toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất thửa số 334, tờ bản đồ số 313B, xã QL [chiều rộng mặt tiền đường 413 là 10,3m và chiều rộng mặt hậu là 9,2m (đường bê tông tuyến số 19) tính từ ranh thực tế giáp với thửa đất số 298 của ông Đoàn Ngọc H và bà Thái Thị H đến ranh thực tế giáp với thửa đất số 29 của anh Nguyễn Tiến S, chiều dài lô đất tính từ mặt tiền đường 413 đến đường bê tông tuyến số 19] và diện tích đất thửa 335 tờ bản đồ số 313B, xã QL (trên thửa đất này có căn nhà xây cấp 4A diện tích 92,4m²) theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất tranh chấp của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai ngày 14/8/2020 (bản sao sơ đồ kèm theo là một phần không thể tách rời của quyết định này). Bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận QSD đất các tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Tiến S, anh Nguyễn Tiên T, anh Nguyễn Xuân T, chị Nguyễn Thị Thanh T không có tranh chấp gì với ông L và bà Đ về các tài sản trên nên không đề cập đến.

Ông Nguyễn Hùng H, bà Trần Thị N không tranh chấp gì với ông Nguyễn Hùng L và bà Nguyễn Thị Đ đối với các diện tích đất ông L và bà Đ thực tế sử dụng là 29m² thuộc một phần thửa 410 và 73m² thuộc một phần thửa 69 tờ bản đồ số 02 xã QL, huyện ĐD theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 02/11/2021 (đã chia cho ông Nguyễn Hùng L) nên không đề cập đến.

Ông Đoàn Ngọc H và bà Thái Thị H không có tranh chấp gì với ông Nguyễn Hùng L và bà Nguyễn Thị Đ diện tích đất 17m² thuộc một phần thửa 298 tờ bản đồ số 313B xã QL, huyện ĐD (đã chia cho bà Nguyễn Thị Đ) nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: ông Nguyễn Hùng L và bà Nguyễn Thị Đ thống nhất cho đến thời điểm hiện tại ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về án phí: Ông Nguyễn Hùng L và bà Nguyễn Thị Đ đều là người cao tuổi. Ông Nguyễn Hùng L có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí. Bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin miễn án phí. Theo quy định Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và điểm đ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Hùng L và bà Nguyễn Thị Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện ĐĐ;
- Chi cục THADS ĐĐ;
- UBND xã Ka Đô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Anh Vũ